

KHU HỆ CHIM ĐẢO TRƯỜNG SA, QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA, VIỆT NAM

PHẠM HỒNG PHƯƠNG ⁽¹⁾, LÊ XUÂN ĐẮC ⁽¹⁾, ĐINH THẾ DŨNG ⁽¹⁾

1. MỞ ĐẦU

Đảo Trường Sa (Truong Sa Island) là một trong những đảo thuộc quần đảo Trường Sa (Truong Sa Archipelago), huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Các nghiên cứu về đảo Trường Sa nói riêng và quần đảo Trường Sa nói chung đã được tiến hành từ rất sớm. Sau những năm 80 của thế kỷ XX, các hoạt động khảo sát về điều kiện tự nhiên, môi trường biển, nguồn lợi biển và đa dạng sinh học hệ động thực vật được đẩy mạnh. Nhiều chuyến khảo sát thuộc các Chương trình, Dự án điều tra nghiên cứu biển cấp Nhà nước, cấp Bộ được thực hiện trong những năm 1980-1997 và các năm 2001-2002, như Chương trình hợp tác Việt - Xô đã sử dụng hai tàu Kallisto và Berill khảo sát rạn san hô vào tháng 4 năm 1981 tại các đảo Trường Sa và Sinh Tồn. Chương trình nghiên cứu biển 48-B, Chương trình Biển Đông - Hải đảo... Đặc biệt, các kết quả nghiên cứu trong giai đoạn 2005 đến 2008 của Viện Tài nguyên và Môi trường biển, đã bổ sung đáng kể các dữ liệu về tài nguyên đa dạng sinh học của quần đảo Trường Sa [1]. Bên cạnh những nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam, các nhà khoa học trên thế giới cũng đã công bố về sự đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật ở vùng quần đảo Trường Sa (Mc Mamus, 1994; Brothers and Thresher, 1995; Monique Chevalher - Gendreau, 1998) [1].

Trong bối cảnh đó, khu hệ chim thuộc quần đảo Trường Sa nói chung đã được tiến hành khảo sát. Theo báo cáo kết quả Chương trình 48-B (1991), tại Đá Lát đã ghi nhận được 4 loài chim (Chim điên bụng trắng, Gà đồng, Nhàn mào và Nhàn đầu xám) [2]. Tổ chức BirdLife International năm 2001 ghi nhận được 35 loài chim biển cư ngụ trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa ở trạng thái dừng nghỉ, sinh sản và trú đông [1]. Tuy nhiên, những kết quả đã công bố chưa thực sự đầy đủ về thành phần loài, hiện trạng quần thể trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

Năm 2020-2021, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga đã tiến hành các đợt khảo sát nghiên cứu khu hệ chim thuộc quần đảo Trường Sa trong đó có đảo Trường Sa. Đây là một trong những nhiệm vụ của Đề tài KCB-TS.04, thuộc Chương trình KCB -TS: 2020-2023, nhằm đánh giá đa dạng sinh học hệ động vật và thực vật trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, phục vụ bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Đối tượng

- Các loài chim phân bố khu vực đảo Trường Sa, quần đảo Trường Sa, Việt Nam.

- Thời gian: Khảo sát từ ngày 21 - 25/10/2020 (mùa mưa) và từ ngày 22 - 27/5/2021 (mùa khô).

- Địa điểm: Đảo Trường Sa, có tọa độ địa lý 8°38'30"N, 111°55'55"E, nằm cách đất liền về phía Đông Nam khoảng 250 hải lý. Về mặt hành chính đảo Trường Sa thuộc thị trấn Trường Sa, huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Đảo có diện tích khoảng 0,52 km² chiều dài 1498 m và chiều rộng tối đa 576 m. Điều tra khảo sát được tiến hành trên toàn bộ phần nổi và vùng biển nông thuộc viền rạn của đảo. Bao gồm các sinh cảnh thảm cỏ, cây bụi, cây thân gỗ, bãi cát, bãi san hô cạn và khu vực công trình xây dựng nhà ở.

2.2. Phương pháp

Nghiên cứu thực địa được tiến hành trong khoảng thời gian từ 5 giờ đến 11 giờ và từ 15 giờ đến 18 giờ hàng ngày, đây là khung thời gian mà các loài chim hoạt động nhiều nhất trong ngày. Phương pháp tiến hành bằng cách đi bộ với tốc độ trung bình khoảng 1,5 km/h, quan sát, chụp ảnh để ghi nhận thành phần loài. Dụng cụ nghiên cứu gồm ống nhòm Nikon (10 × 42), máy chụp hình Nikon D5 + Tele 500mm. Ngoài ra trong quá trình khảo sát còn sử dụng thiết bị phát âm thanh (tiếng chim) dụ chim về gần để quan sát và chụp ảnh.

Định danh loài bằng phương pháp phân loại hình thái, theo các tài liệu Nguyễn Cử và cs. (2014) [3], Lê Mạnh Hùng (2014) [4] và Robson (1993a, 1993b, 2008) [5, 6, 7]. Tên khoa học và hệ thống phân loại theo Nguyễn Cử và cs. (2014) [3], Clements et al. (2018) [8]. Tên phổ thông tiếng Việt sử dụng theo Võ Quý và Nguyễn Cử (1995) [9]. Tình trạng bảo tồn loài được xác định theo Danh lục các loài bị đe dọa của IUCN, 2021 [10].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đa dạng thành phần loài

Đã nghiên cứu khu hệ chim tại đảo Trường Sa với tổng thời gian là 11 ngày, được chia làm 2 đợt đặc trưng cho hai mùa trong năm. Trong đợt khảo sát thứ nhất vào mùa mưa, tháng 10 năm 2020 đã ghi nhận được 75 loài. Đợt khảo sát thứ hai vào mùa khô, tháng 5 năm 2021 đã ghi nhận được 24 loài. Đợt khảo sát thứ hai đã ghi nhận thêm cho danh lục 7 loài. Theo đó, tổng số đã ghi nhận được tại đảo Trường Sa là 82 loài thuộc 29 họ và 10 bộ (bảng 1).

Bảng 1. Danh lục thành phần loài chim đảo Trường Sa
(Ghi nhận trong năm 2020 và 2021)

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tháng 10/2020	Tháng 5/2021	Hình thức ghi nhận	Mức độ bắt gặp
	I. Bộ Dẽ	CHARADRIIFORMES				
	1. Họ Cà kheo	Recurvirostridae				
1	Cà kheo	<i>Himantopus himantopus</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	+
	2. Họ Choi chơi	Charadriidae				
2	Choi chơi nhỏ	<i>Charadrius dubius</i> (Scopoli, 1786)	x		A	+

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tháng 10/2020	Tháng 5/2021	Hình thức ghi nhận	Mức độ bắt gặp
3	Choi chơi khoang cổ	<i>Charadrius dealbatus</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
4	Choi chơi á châu	<i>Charadrius veredus</i> (Gould, 1848)		x	A	++
5	Choi chơi vàng	<i>Pluvialis fulva</i> (Gmelin, 1789)	x		A	++
6	Choi chơi xám	<i>Pluvialis squatarola</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	+
	3. Họ Dẽ	Scolopacidae				
7	Choắt bụng xám	<i>Tringa glareola</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
8	Choắt đốm đen	<i>Tringa stagnatilis</i> (Bechstein, 1803)	x		A	+
9	Choắt ngực đốm	<i>Calidris melanotos</i> (Vieillot, 1819)	x		A	+
10	Choắt nhỏ	<i>Actitis hypoleucos</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
11	Choắt lớn	<i>Tringa nebularia</i> (Gunnerus, 1767)	x		A	+
12	Choắt nâu	<i>Tringa totanus</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	+
13	Choắt mỏ cong bé	<i>Numenius phaeopus</i> (Linnaeus, 1758)	x	x	A	++
14	Dẽ khoang	<i>Arenaria interpres</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
15	Dẽ giun	<i>Gallinago gallinago</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	+
	4. Họ Dô nách	Glareolidae				
16	Dô nách nâu	<i>Glareola maldivarum</i> (Forster, 1795)	x	x	A	++
	5. Họ Mòng biển	Laridae				
17	Nhàn	<i>Sterna hirundo</i> (Linnaeus, 1758)	x	x	A	++
18	Nhàn xám	<i>Chlidonias leucopterus</i> (Temminck, 1815)	x		A	++
	II. Bộ Chim diên	SULIFORMES				
	6. Họ Chim diên	Sulidae				
19	Chim diên chân đỏ	<i>Sula sula</i> (Linnaeus, 1766)	x	x	A	+

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tháng 10/2020	Tháng 5/2021	Hình thức ghi nhận	Mức độ bắt gặp
	III. Bộ Hạc	CICONIIFORMES				
	7. Họ Diệc	Ardeidae				
20	Diệc xám	<i>Ardea cinerea</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	+
21	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i> (Bonaparte, 1855)	x	x	A	++
22	Cò bợ java	<i>Ardeola speciose</i> (Horsfield, 1821)	x		A	++
23	Cò lửa lùn	<i>Ixobrychus sinensis</i> (Gmelin, 1789)	x	x	A	++
24	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i> (Linnaeus, 1758)	x	x	A	++
25	Cò ngàng lớn	<i>Ardea alba</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
26	Cò ngàng nhỏ	<i>Mesophoyx intermedia</i> (Wagler, 1829)	x	x	A	++
27	Cò trắng	<i>Egretta garzetta</i> (Linnaeus, 1766)	x	x	A	++
28	Cò xanh	<i>Butorides striata</i> (Linnaeus, 1758)	x	x	A	++
29	Vạc	<i>Nycticorax nycticorax</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
30	Vạc rừng	<i>Gorsachius melanolophus</i> (Raffles, 1822)		x	A	+
	IV. Bộ Sẻ	CORACIIFORMES				
	8. Họ Sẻ	Alcedinidae				
31	Sẻ đầu đen	<i>Halcyon pileata</i> (Boddaert, 1783)	x		A	+
	9. Họ Sẻ rừng	Coraciidae				
32	Yểng quạ	<i>Eurystomus orientalis</i> (Linnaeus, 1766)	x	x	A	+
	V. Bộ Cu cu	CUCULIFORMES				
	10. Họ Cu cu	Cuculidae				
33	Chèo chèo lớn	<i>Hierococcyx sparveroides</i> (Vigors, 1831)	x		A	+
34	Cu cu phương đông	<i>Cuculus saturatus</i> (Blyth, 1843)		x	A	+
35	Khát nước	<i>Clamator coromandus</i> (Linnaeus, 1766)	x		A	+
36	Tim vịt	<i>Cacomantis merulinus</i> (Scopoli, 1786)	x		A	+

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tháng 10/2020	Tháng 5/2021	Hình thức ghi nhận	Mức độ bắt gặp
37	Tu hú	<i>Eudynamys scolopaceus</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
	VI. Bộ Bồ Câu	COLUMBIFORMES				
	11. Họ Bồ câu	Columbidae				
38	Cu ngói	<i>Streptopelia tranquebarica</i> (Hermann, 1804)		x	A	+
	VII. Bộ Sếu	GRUIFORMES				
	12. Họ Gà nước	Rallidae				
39	Gà đồng	<i>Gallicrex cinerea</i> (Gmelin, 1789)		x	A	++
40	Gà nước họng nâu	<i>Rallina fasciata</i> (Raffles, 1822)	x		A	+
41	Kịch	<i>Gallinula chloropus</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
	VIII. Bộ Ưng	ACCIPITRIFORMES				
	13. Họ Ó cá	Pandionidae				
42	Ó cá	<i>Pandion haliaetus</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	+
	14. Họ Ưng	Accipitridae				
43	Diều ấn độ	<i>Butastur indicus</i> (Gmelin, 1788)	x		A	+
44	Diều mướp	<i>Circus melanoleucos</i> (Pennant, 1769)	x		A	+
45	Ưng nhật bản	<i>Accipiter gularis</i> (Temminck & Schlegel, 1844)	x		A	+
	IX. Bộ Cắt	Falconiformes				
	15. Họ Cắt	Falconidae				
46	Cắt lớn	<i>Falco peregrinus</i> (Tunstall, 1771)	x		A	+
47	Cắt lưng hung	<i>Falco tinnunculus</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
	X. Bộ Sẻ	PASSERIFORMES				
	16. Họ Chích	Acrocephalidae				
48	Chích đầu nhọn phương đông	<i>Acrocephalus orientalis</i> (Temminck & Schlegel, 1847)	x		A	+
	17. Họ Chích lá	Phylloscopidae				
49	Chích mây lớn	<i>Phylloscopus inornatus</i> (Blyth, 1842)	x	x	A	++

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tháng 10/2020	Tháng 5/2021	Hình thức ghi nhận	Mức độ bắt gặp
50	Chích phương bắc	<i>Phylloscopus borealis</i> (Blasius, 1858)	x		A	++
	18. Họ én	Hirundinidae				
51	Nhạn bụng trắng	<i>Hirundo rustica</i> (Linnaeus, 1758)	x	x	A	++
52	Nhạn đất đỏ	<i>Cecropis daurica</i> Laxmann, 1976	x		A	+
53	Nhạn nâu xám	<i>Riparia riparia</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	+
	19. Họ yến	Apodidae				
54	Yến hồng xám	<i>Aerodramus germani</i> (Thunberg, 1812)		x	A	++
	20. Họ Bách thanh	Laniidae				
55	Bách thanh mày trắng	<i>Lanius cristatus</i> (Linnaeus, 1758)	x	x	A	++
56	Bách thanh vằn	<i>Lanius tigrinus</i> (Drapiez, 1828)	x		A	+
	21. Họ Vàng anh	Oriolidae				
57	Vàng anh mỏ nhỏ	<i>Oriolus tenuirostris</i> (Blyth, 1846)	x		QS	+
	22. Họ Chèo bẻo	Dicruridae				
58	Chèo bẻo đen	<i>Dicrurus macrocercus</i> (Vieillot, 1817)	x	x	A	++
	23. Họ Đớp ruồi	Muscicapidae				
59	Đớp ruồi lưng vàng	<i>Ficedula narcissina</i> (Temminck, 1835)	x		A	++
60	Đớp ruồi mugi	<i>Ficedula mugimaki</i> (Temminck, 1835)	x		A	+
61	Đớp ruồi nâu	<i>Muscicapa dauurica</i> (Pallas, 1811)	x	x	A	++
62	Đớp ruồi ngực vạch	<i>Muscicapa griseisticta</i> (R. Swinhoe, 1861)	x		A	++
63	Đớp ruồi nhật bản	<i>Cyanoptila cyanomelana</i> (Temminck, 1829)	x		A	+
64	Đớp ruồi siberia	<i>Muscicapa sibirica</i> (Gmelin, 1789)	x	x	A	++
65	Đớp ruồi taiga	<i>Ficedula albicilla</i> (Pallas, 1811)	x		A	++
66	Sẻ bụi đầu đen	<i>Saxicola torquatus</i> (Linnaeus, 1766)	x		A	++

TT	Tên Việt Nam	Tên La tinh	Tháng 10/2020	Tháng 5/2021	Hình thức ghi nhận	Mức độ bắt gặp
67	Hoét đá	<i>Monticola solitarius</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
	24. Họ Sáo	Sturnidae				
68	Sáo đá má hung	<i>Agropsar philippensis</i> (Forster, 1781)	x		A	++
69	Sáo đá trung quốc	<i>Sturnia sinensis</i> (Gmelin, 1788)	x		A	+
	25. Họ Sẻ	Passeridae				
70	Sẻ	<i>Passer montanus</i> (Linnaeus, 1758)	x	x	A	++
	26. Họ Sẻ đồng	Emberizidae				
71	Sẻ đồng đầu đen	<i>Emberiza melanocephala</i> (Scopoli, 1769)	x		A	++
72	Sẻ đồng lùn	<i>Emberiza pusilla</i> (Pallas, 1776)	x		A	+
	27. Họ Sẻ thông	Fringillidae				
73	Sẻ hồng	<i>Carpodacus erythrurus</i> (Pallas, 1770)	x		QS	+
74	Sẻ thông đầu xám	<i>Chloris sinica</i> (Linnaeus, 1766)	x		A	++
	28. Họ Chia vôi	Motacillidae				
75	Manh hồng	<i>Anthus roseatus</i> (Blyth, 1847)	x		A	+
76	Manh vân nam	<i>Anthus hodgsoni</i> (Richmond, 1907)	x		A	++
77	Chia vôi rừng	<i>Dendronanthus indicus</i> (Gmelin, 1789)	x		A	+
78	Chia vôi vàng	<i>Motacilla flava</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
79	Chia vôi đầu vàng	<i>Motacilla citreola</i> (Pallas, 1776)	x		A	+
80	Chia vôi núi	<i>Motacilla cinerea</i> (Tunstall, 1771)	x		A	++
81	Chia vôi trắng	<i>Motacilla alba</i> (Linnaeus, 1758)	x		A	++
	29. Họ Sơn ca	Alaudidae				
82	Sơn ca	<i>Alauda gulgula</i> (Franklin, 1831)	x		A	++
TỔNG SỐ			75	24		

Chú thích: + : số lượng từ 1 đến 3 cá thể (37 loài, chiếm 45,1%);

++: số lượng từ 4 cá thể trở lên (45 loài, chiếm 54,9%);

A : Loài quan sát trực tiếp ngoài tự nhiên và ghi nhận được hình ảnh;

QS: Quan sát trực tiếp ngoài thiên nhiên.

Kết quả tổng hợp ở bảng 1 cho thấy, trong số 29 họ đã ghi nhận, họ Diệc có số lượng loài nhiều nhất 11 loài; họ Đớp ruồi 9 loài; họ Chia vôi 7 loài, các họ khác có số lượng từ 1 đến 6 loài. Kết quả quan sát và đánh giá mức độ bắt gặp cho thấy, trong tổng số 82 loài đã ghi nhận ở đảo Trường Sa, các loài bắt gặp từ 4 cá thể trở lên là 45 loài chiếm 54,9%, có 37 loài bắt gặp từ 1 đến 3 cá thể chiếm tỷ lệ 45,1% tổng số loài (bảng 1).

Đánh giá mức độ đa dạng các đơn vị phân loại ở cấp độ bộ và họ cho thấy bộ Sẻ đa dạng nhất là 35 loài, chiếm 42,7% tổng số loài; bộ Dẽ có 18 loài chiếm 22%; bộ Hạc có 11 loài chiếm 13,4%; bộ Cu cu có 5 loài chiếm 6,1%; bộ Ưng có 4 loài chiếm 4,9%, các bộ khác có từ 1 đến 3 loài chiếm 10,9% tổng số loài đã ghi nhận tại đảo Trường Sa (bảng 2).

Bảng 2. Đa dạng các đơn vị phân loại (Taxon)

TT	Tên bộ	Số lượng họ	Số lượng loài	Tỷ lệ loài (%)
1	Bộ Dẽ	5	18	22
2	Bộ Chim diên	1	1	1,2
3	Bộ Hạc	1	11	13,4
4	Bộ Sả	2	2	2,4
5	Bộ Cu cu	1	5	6,1
6	Bộ Bò câu	1	1	1,2
7	Bộ Sếu	1	3	3,7
8	Bộ Ưng	2	4	4,9
9	Bộ Cắt	1	2	2,4
10	Bộ Sẻ	14	35	42,7
Tổng cộng		29	82	100

Kết quả khảo sát bước đầu cho thấy, các loài chim ở đảo Trường Sa tập trung chủ yếu vào mùa di cư, từ tháng 9 năm trước đến tháng 4 năm sau và được thể hiện trực tiếp qua số lượng thành phần loài chim và mật độ chim trên khu vực đảo. Đợt khảo sát thứ nhất trùng với mùa di cư của các loài chim từ phương Bắc xuống phương Nam, nên thành phần loài vượt trội (75 loài) so với tổng số loài chim ghi nhận được trong mùa khô (24 loài). Quan sát thực tế cũng cho thấy, vào mùa di cư có số lượng các loài chim nhiều hơn, nên trong cấu trúc quần xã có sự xuất hiện của các loài chim ăn thịt, gồm các loài thuộc bộ Ưng và bộ Cắt. Vào mùa khô khi số lượng cá thể và số lượng loài chim giảm đáng kể, trong quần xã không thấy sự xuất hiện của các loài chim ăn thịt ở khu vực đảo Trường Sa.

Phân tích về cấu trúc thành phần loài đã ghi nhận cho thấy, các loài thuộc nhóm chim nước tập trung chủ yếu trong 3 bộ là bộ Dẽ, bộ Hạc và bộ Sếu với tổng cộng là 33 loài, số còn lại là các loài chim thuộc các họ chim rừng di cư với 49 loài. Đây là các số liệu ghi nhận lần đầu tiên cho khu hệ chim đảo Trường Sa. Kết quả nghiên cứu cho thấy đảo Trường Sa nói riêng, quần đảo Trường Sa nói chung nằm trên đường di cư của các loài chim rừng.

3.2. Ghi nhận mới và giá trị bảo tồn

Qua hai đợt khảo sát năm 2020 và 2021 tại đảo Trường Sa, đã ghi nhận được loài Sáo đá má hung - *Agropsar philippensis* (Forster, 1781), đây là loài mới lần đầu ghi nhận cho khu hệ chim Việt Nam, bổ sung vào danh lục thành phần loài chim của Việt Nam (hình 1) [11].



Hình 1. Sáo đá má hung

Sáo đá má hung - *Agropsar philippensis* (Forster, 1781), thuộc họ Sáo (Sturnidae), bộ Sẻ (Passeriformes). Loài này dài khoảng 16,5-17 cm. Chim trống phần lưng có màu đen, xanh lục ánh thép. Đầu màu nâu vàng nhạt, mỏ thẳng màu đen. Vùng lông hai bên má và bao tai có màu hồng đỏ dễ nhận diện. Phần ngực và hai bên sườn màu xám tối, bụng màu trắng. Đầu cánh và cánh thứ cấp có dải trắng, chân màu đen nhạt (hình 1, số 2). Chim mái gần giống chim trống nhưng màu nhạt hơn. Vùng má không có vệt màu hồng đỏ (hình 1, số 1). Trong tự nhiên ở lục địa, sinh cảnh thường gặp là các vùng rừng thứ sinh, vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu canh tác nông nghiệp và vùng đất thấp. Là loài di cư, sinh sản ở Nhật Bản và các đảo Sakhalin và quần đảo Kuril của Nga. Chúng trú đông ở Đài Loan, Philippines, bắc Borneo. Ở Việt Nam, đây là loài mới ghi nhận được lần đầu tiên trong mùa di cư năm 2020, tại đảo Trường Sa thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam [11].

Theo danh lục phân cấp bảo tồn của IUCN (2021), các loài đã ghi nhận được trong các đợt khảo sát chủ yếu thuộc nhóm thường gặp cấp độ LC - ít quan tâm. Thông tin này cho thấy các loài chim ở đảo Trường Sa tương đối phổ biến và phân bố rộng. Tuy nhiên, trên một diện tích rất nhỏ, biệt lập, với điều kiện khắc nghiệt, nhưng thành phần loài chim của khu vực đảo Trường Sa là khá đa dạng, và mật độ cũng tương đối cao đối với nhiều loài. Đây là thông tin đáng lưu ý và cần có những giải pháp phù hợp, cụ thể nhằm bảo vệ hệ sinh thái và đa dạng sinh học ổn định và bền vững cho khu vực.

Thời gian khảo sát thực địa tại đảo Trường Sa không dài, cũng như phạm vi nghiên cứu với diện tích đảo khoảng 0,52 km² là không lớn, nhưng kết quả cho thấy mức độ đa dạng của khu hệ chim ở đây là tương đối cao, có thể là đại diện cho khu hệ chim vùng biển đảo xa bờ của Việt Nam. Với số lượng thành phần loài chim đã ghi nhận được, nhận định khu vực đảo Trường Sa là một trong những điểm dừng chân của các loài chim trong mùa di cư trên tuyến đường từ phía Bắc xuống phía Nam. Tuy nhiên, do đảo Trường Sa có vị trí địa lý xa bờ, điều kiện khí hậu, hải văn phức tạp, biến động theo mùa, hầu hết các loài chim là loài di cư nên khu hệ chim ở đây còn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ. Trong thời gian tới, cần có những nghiên cứu tiếp theo với thời gian dài hơn, theo các mùa, thời điểm giao mùa và mở rộng không gian ra các đảo khác nhằm bổ sung thành phần các loài chim, cũng như đặc điểm của khu hệ chim quần đảo Trường Sa.

4. KẾT LUẬN

- Đã ghi nhận ở đảo Trường Sa có 82 loài chim thuộc 29 họ và 10 bộ. Bộ Sẻ có số lượng loài đa dạng nhất 35 loài chiếm 42,7%; bộ Dẽ có 18 loài chiếm 22%; bộ Hạc có 11 loài chiếm 13,4%; bộ Cu cu có 5 loài chiếm 6,1%; bộ Ưng có 4 loài chiếm 4,9%; các bộ khác có từ 1 đến 3 loài chiếm 10,9% tổng số loài đã ghi nhận trong 2 đợt khảo sát tháng 10/2020 và tháng 5/2021.

- Đã ghi nhận loài Sáo đá má hung - *Agropsar philippensis* (Forster, 1781) tại đảo Trường Sa. Đây là loài mới bổ sung cho khu hệ chim Việt Nam.

- Khu hệ chim của đảo Trường Sa tương đối đa dạng và phong phú. Tính trên đơn vị diện tích thì tính đa dạng rất cao, có giá trị và ý nghĩa lớn trong việc bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và đa dạng khu hệ chim nói riêng trên hệ thống hải đảo của Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Thung và cs., *Đa dạng sinh học và tiềm năng bảo tồn vùng quần đảo Trường Sa*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2014.
2. Đặng Ngọc Thanh, *Tài liệu khoa học về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên vùng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Báo cáo khoa học đề tài cấp Nhà nước “Chương trình 48-B”, Viện Khoa học Việt Nam, 1991.
3. Nguyễn Cừ, Lê Trọng Trãi, Phillipps K., *Chim Việt Nam*, Chương trình Birdlife Quốc Tế tại Việt Nam, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2014.

4. Lê Mạnh Hùng, *Giới thiệu một số loài chim Việt Nam*, Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2014.
5. Robson C. R., Eames J. C., Nguyễn Cử, Trương Văn Lã, *Further recent records of birds from VietNam*, Forktail, 1993, **8**:25-52.
6. Robson C. R., Eames J. C., Nguyễn Cử, Trương Văn Lã, *Birds recorded during the third BirdLife/Forest birds working group expedition in VietNam*, Forktail, 1993, **9**:89-119.
7. Robson C. R. A., *Field guide to the birds of South-East Asia*, New Holland, 2008.
8. Clements J. F., Schulenberg T. S., Iliff M. J., Roberson D., Fredericks T. A., Sullivan B. L. and Wood C. L., *The eBird/Clements checklist of birds of the world*, v2018.
9. Võ Quý, Nguyễn Cử, *Danh lục chim Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1995.
10. IUCN, *Red list of threatened species*, 2021. <http://www.iucnredlist.org>.
11. Le Manh Hung, Bui Thanh Trung, Hoang Van Thanh, Pham Hong Phuong, *First records and additional distribution ranges from Vietnam*, Birding ASIA, 2021, **35**:111-113.

SUMMARY

FEATURE OF THE AVIFAUNA OF TRUONG SA ISLAND, TRUONG SA ARCHIPELAGO, VIETNAM

In this study, we carried out two surveys of avifauna in Truong Sa Island, Truong Sa Archipelago, Vietnam. The duration time of first survey from October 21-25, 2020 and the second survey from May 22-27, 2021.

The results at the surveys showed that there were 82 bird species belonging to 29 families and 10 orders recorded. Among them, Passeriformes has the most abundant with 35 species (42.7% of the total), Charadriiformes has 18 species with a rate of 22%, Ciconiiformes has 11 species with a rate of 13.4%, Cuculiformes has 5 species with a rate of 6.1%, Accipitriformes has 4 species with a rate of 4.9%, and other orders have from 1 to 3 species with a rate of 10.9% of the total. We also observed the Chestnut cheeked starling - *Agropsar philippensis* (Forster, 1781) in Truong Sa (Truong Sa Archipelago), this species was first recorded for the Avifauna of Vietnam and need to be added to the bird checklist of Vietnam.

Keywords: *Chesnut checked starling, Island, Archipelago, diversity, Sáo đá má hung, đảo, quần đảo, Trường Sa, đa dạng sinh học.*

Nhận bài ngày 20 tháng 5 năm 2021

Phản biện xong ngày 15 tháng 9 năm 2021

Hoàn thiện ngày 16 tháng 9 năm 2021

⁽¹⁾ *Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga*